

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 04-3-2021  
V/v Ly hôn giữa chị H và anh V.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Đông Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Quế Minh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

***1.Nguyên đơn:*** Chị B T B H, sinh ngày 03-5-2001 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21-12-2020)

Nơi cư trú: Tổ 28, ấp C T, xã C Đ, huyện C T, tỉnh An Giang.

***2.Bị đơn:*** Anh N Q V, sinh ngày 25-3-2001 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18-01-2021)

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp V P, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai ngày 16-11-2020, nguyên đơn chị B T B H trình bày:*

+Về hôn nhân: Chị và anh N Q V kết hôn vào năm 2019, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới. Cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống bên chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, anh V không chí thú làm ăn, không quan tâm chăm lo gia đình, anh V thường hay nhậu dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng. Từ tháng 7/2020, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh V, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh N Q V.

+Về con chung: Có 01 con chung tên B H Đ, sinh ngày 08-7-2020. Hiện chị đang nuôi con. Nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Tờ tự khai ngày 18-01-2021, bị đơn anh N Q V trình bày:*

+Về hôn nhân: Anh và chị B T B H kết hôn vào năm 2019, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới. Cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống bên chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống, không phù hợp tính tình. Từ tháng 7/2020, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh nhận thấy không còn tình cảm với chị H, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với chị H.

+Về con chung: Có 01 con chung tên B H Đ, sinh ngày 08-7-2020. Hiện chị H đang nuôi con. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn chị B T B H, bị đơn anh N Q V, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; nguyên đơn chị H, bị đơn anh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn chị H và bị đơn anh V.

[2] *Về hôn nhân:* Chị B T B H và anh N Q V kết hôn vào năm 2019, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới. Cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó hôn nhân của chị H và anh V vi phạm Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị H và anh V không được pháp luật thừa nhận. Do đó, nghĩ nên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B T B H và anh N Q V là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị B T B H và anh N Q V có 01 con chung. Khi ly hôn chị H có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh V cũng đồng ý để chị H nuôi con.

*Xét thấy:* Cháu Đ chỉ hơn 8 tháng tuổi, chị H nuôi con chu đáo, anh V không tranh chấp việc nuôi con. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, để không làm thay

đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Chị B T B H và các thành viên trong gia đình chị H không được cản trở anh N Q V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh N Q V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung*: Chị B T B H và anh N Q V thống nhất trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị B T B H và anh N Q V thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị B T B H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007413 ngày 10-12-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chị B T B H, bị đơn anh N Q V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 8, 9, 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị B T B H và anh N Q V.

[2] *Về con chung*: Chị B T B H được tiếp tục nuôi con chung tên B H Đ, sinh ngày 08-7-2020.

Chị B T B H và các thành viên trong gia đình chị H không được cản trở anh N Q V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh N Q V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn chị B T B H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007413 ngày 10-12-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị B T B H, bị đơn anh N Q V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lý Đông Hoà**